

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2024

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Thanh Nhân
- Ông Mai Trần Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh:
Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2024/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng T, sinh năm 1985; trú tại: Tổ A, Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Huyền A, sinh năm 1982; trú tại: Tổ A, Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị T có đơn xin vắng mặt, anh Huyền A vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 5 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Hồng T trình bày:

Chị T và anh Nguyễn Huyền A chung sống với nhau từ năm 2004 đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian gần đây khoảng 2 năm phát

sinh mâu thuẫn, do chị T bị bệnh không phụ giúp được cho chồng nhiều nên chồng chị thay đổi thường xuyên uống rượu về gây gổ đánh chị nhiều lần và từ đó anh Hoàng A1 cũng có nhiều người phụ nữ khác bên ngoài nên chị đã sống ly thân với chồng đến nay hơn 6 tháng. Chị T xác định tình cảm không còn, không còn quan tâm lẫn nhau, ai cũng có cuộc sống riêng không liên quan với nhau, chị Tiệp xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung, tên Nguyễn Hoàng Â, sinh năm 2005 và Nguyễn Hoàng Phương U, sinh ngày 03-11-2011. Cháu Â đã trưởng thành có khả năng lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T xin nuôi cháu U, không yêu cầu anh Hoàng A1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Huyền A không đến Tòa, không có lời trình bày, vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

Tại tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Hồng T đối với anh Nguyễn Huyền A.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Â, sinh năm 2005 và Nguyễn Hoàng Phương U, sinh ngày 03-11-2011. Cháu Â đã trưởng thành có khả năng lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu U cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Hàng A2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Hồng T có đơn xin vắng mặt. Anh Nguyễn Hoàng A3 là bị đơn trong vụ án vắng mặt không lý do. Căn cứ vào biên bản xác minh của Tòa án ngày 11 tháng 6 năm 2024 thì hiện tại anh Huyền A có hộ khẩu tại ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, hiện tại anh Huyền A vẫn còn sinh sống tại địa chỉ trên. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đương sự mời anh Huyền A lên Tòa làm việc nhưng anh không đến cũng như không có lời khai về vụ án, anh Huyền A thường xuyên vắng mặt tại địa phương vào giờ hành chính, Tòa án có tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh Huyền A là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh Huyền A chung sống với nhau từ năm 2004 đến năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị T có đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên lời trình bày: Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc bình thường, khoảng 2 năm gần đây do chị T bị bệnh không giúp việc cho chồng được nhiều nên anh Hoàng A3 thường xuyên uống rượu về nhà gây gổ và đánh chị T nhiều lần. Thời gian này anh Huyền A có nhiều người phụ nữ bên ngoài nên chị đã sống ly thân với chồng đến nay hơn 6 tháng. Chị T xác định tình cảm không còn, không còn quan tâm lẫn nhau, ai cũng có cuộc sống riêng không liên quan với nhau, chị Tiếp xin ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng chung sống cần có sự gần nhau, chia sẻ, đồng cảm, quan tâm chăm sóc, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau và cùng có trách nhiệm với gia đình, con cái. Trong mối quan hệ vợ chồng của chị T, anh Huyền A không còn sự chia sẻ và đồng cảm, không hiểu nhau, không còn tình cảm, không hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân hơn 6 tháng nay, không thể hàn gắn mối quan hệ vợ chồng được. Hiện chị T, anh Huyền A không còn tình cảm với nhau, không thương yêu nhau nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận.

Anh Huyền A không đến Tòa, không có lời trình bày, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa cho anh Huyền A theo quy định, anh Huyền A không đến Tòa là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, không muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với chị T nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Â, sinh năm 2005 và Nguyễn Hoàng Phương U, sinh ngày 03-11-2011. Cháu Â đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Xét yêu cầu xin nuôi cháu U là con chung của chị T, anh Huyền A, thấy rằng hiện cháu U đang sống với chị T đã quen cuộc sống có mẹ, cháu cũng đồng ý sống với mẹ nên cần giao cháu U cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc,

giáo dục là phù hợp. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Hoàng A3 cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Hồng T đối với anh Nguyễn Hoàng A3. Chị Lê Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng A3.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Â, sinh năm 2005 và Nguyễn Hoàng Phương U, sinh ngày 03-11-2011. Cháu Â đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa giải quyết. Giao cháu Nguyễn Hoàng Phương U cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Hoàng A3 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hoàng A3 được quyền đến thăm con chung không ai được cản trở

3. Về tài sản chung; nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T1 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009316 ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, chị T1 đã nộp đủ án phí.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cái Thị Minh Tâm